TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2022
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh
Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/02/2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị T – sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp VH1, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn Đ – sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp VH1, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Triều Quang, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Gò Quao thuộc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019). (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Phước Hưng 1, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 05/01/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Vào năm 2000, bà kết hôn cùng với ông Bùi Văn Đ, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đến năm 2014 vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm đầu thời gian sau thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông Đ không tu chỉnh làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi về dùng lời lẽ thô tục mắng chửi bà nên vợ chồng thường xuyên cắn đắn, cải vả với nhau, không còn hạnh phúc. Thêm vào đó, ông Đ hay có lời lẽ xúc phạm cha mẹ bà và còn đánh đập bà nhiều lần, từ ngày bà nộp đơn ly hôn thì ông Đ bỏ đi, sau đó ông Đ có về hai lần vào tháng 5/2022 và tháng 10/2022 và lại bỏ đi cho đến nay. Quá trình ly thân, bà và ông Đ không có liên lạc với nhau, hai lần ông Đ về nhà thì ông bà cũng không có nói chuyện nên vợ chồng không hòa giải được. Nay, bà nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung là: Bùi Văn Đ1 – sinh ngày 09/5/2001 và Bùi Thị Thảo Ngn – sinh ngày 10/3/2004. Cả hai con hiện nay đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Bà T xác định vợ chồng có vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện Gò Quao với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) nhưng số tiền trên bà đã trả xong cho ngân hàng chính sách xã hội. Hiện tại vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, bà Huỳnh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn Đ; Về con chung, do hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; Về tài sản chung, bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung bà cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Văn Đ không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông Đỏ nhưng ông không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Người đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Triều Quang trình bày:

Ngày 21/3/2019 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Gò Quao có cho gia đình bà Huỳnh Thị T vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), lãi suất 9%/năm, mục đích vay vốn: xây mới cây nước và nhà vệ sinh, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/3/2024.

Đối với khoản vay trên Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Gò Quao có yêu cầu độc lập yêu cầu bà T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ (chồng bà T) liên đới chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách số tiền nợ vay nợ gốc là 12.000.000đ, nợ lãi là 79.891đ, tổng cộng gốc và lãi là **12.079.891đ** (*Mười hai triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng*).

Trước phiên hòa giải phía Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Gò Quao xác định bà T đã trả nợ xong cho ngân hàng nên phía ngân hàng không yêu cầu nửa và có đơn xin rút đơn khởi kiện (đơn yêu cầu độc lập) và xin không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tuy nhiên, còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn Đ; Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên miễn xét.

Áp dụng khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Gò Quao về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T và ông Bùi Văn Đ phải trả số tiền vay nợ gốc là 12.000.000đ, nợ lãi là 79.891đ, tổng cộng gốc và lãi là **12.079.891đ** (*Mười hai triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn Đ được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy

định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Ông Bùi Văn Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Đ không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, ông Bùi Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Bùi Văn Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2014 quyển số 01/2014 ngày 28/11/2014, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn Đ vì lý do ông Đ không tu chỉnh làm ăn, lại hay uống rượu, mỗi lần uống rượu về kiếm chuyện mắng chửi bà và còn bạo lực gia đình đối với bà. Đối với ông Bùi Văn Đ, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng ông Đ đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng bà không hòa giải được với nhau, bản thân bà thì không còn tình cảm gì với ông Đ và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với ông Đ. HĐXX thấy rằng, bà T và ông Đ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian ông bà sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Văn Đ1 – sinh ngày 09/5/2001 và Bùi Thị Thảo Ng – sinh ngày 10/3/2004.

Cả hai con hiện nay đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Nợ chung: Trước phiên hòa giải và công khai chứng cứ, Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Gò Quao xác định bà T đã trả nợ cho ngân hàng xong nên có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và xin không tham gia tố tụng. Việc tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện này của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ toàn bộ yêu cầu này của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông Bùi Văn Đ không có ý kiến tại Tòa về vấn đề tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì ông Đỏ có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ bà T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn Đ.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Gò Quao về việc về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T và ông Bùi Văn Đ phải trả số tiền vay nợ gốc là 12.000.000đ, nợ lãi là 79.891đ, tổng cộng gốc và lãi là **12.079.891đ** (*Mười hai triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng*).

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006689, ngày 17/02/2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/12/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập